



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HÒA NGUYỄN ĐÌNH _____
Last Middle First

Current Address: Làng An Thuận - Hương Trơm - Hương Diên - Bình Mỹ - Thuận Thành

Date of Birth: 1937 Place of Birth: An Thuận, Thuận Cẩm, Thuận Thành

Previous Occupation (before 1975) Đội trưởng, Sĩ quan an ninh Tổng cục
(Rank & Position) Trưởng ban thanh lý án đing Đa Thuận

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 7/4/1975 To 6/6/1983
Years: 8 Months: 2 Days: 2

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Phòng	12-8-1936	Vợ
Nguyễn Thị Thanh	13-6-1961	Con
Nguyễn Thị Yếu Tuyết	4-2-1963	Con
Nguyễn Đình Thị Ngọc Thảo	1-1-1966	Con
Nguyễn Đình Thị Ngọc	6-2-1968	Con
Nguyễn Đình Anna Minh	2-1-1970	Con
Nguyễn Đình Đức	28-1-1971	Con
Nguyễn Đình Lợi	2-2-1975	Con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan)

: HÒA NGUYỄN ĐÌNHDATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh)Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
An-Thuan, Hường Cần, Hường Trĩ Thị Thiên
Month (Thang) 3 Day (Ngày) 14 Year (Năm) 1937

SEX (Nam hay Nu)

: Male (Nam): Nam

Female (Nu): _____

MARITAL STATUS

Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Có

(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM

(Dia chi tai Viet-Nam)

An-Thuan, Hường Trĩ Hường Trĩ Bình Trĩ ThiênPOLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) Có No (Không) _____If Yes (Neu co): From (Tu): 5.4.1975 To (Đến): 6.6.1983PLACE OF RE-EDUCATION:
CAMP (Trai tù)- Trại Kỳ Sơn Quảng Nam từ 4/1975 đến tháng 9/1978
- Trại An-Điền Quảng Nam từ 9/1978 đến tháng 6/1983

PROFESSION (Nghe nghiệp):

Ram ruộng

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

Không

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac):

Đại úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN)

Position (Chuc vu):

Sĩ-quân an Ninh đến v/Trung tâm huấn luyện Đảng Đa (H)

Date (nam):

1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP):

Yes (Có): _____

IV Number (So ho so): _____

No (Không): Không

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So người đi theo):

8 người

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

Làng An Thuan, Xã Hường Trĩ
Huyện Hường Trĩ Tỉnh Bình Trĩ Thiên.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bảo trợ):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____

No (Không): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

HÒANgô Minh

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua người diện don nay)

Hường Trĩ Hường Trĩ Bình Trĩ ThiênAn Thuan

DATE:

Month (Thang)

6

Day (Ngày)

6

Year (Năm)

1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
Nguyễn thị PHƯƠNG	12-8-1936	V3
Nguyễn thị Chánh	13-6-1961	Con
Nguyễn thị YẾN Tuyết	14-2-1963	Con
Nguyễn đình thị Ngọc Thảo	1-1-1966	Con
Nguyễn đình Hiệp	6-2-1968	Con
Nguyễn đình Minh	2-1-1970	Con
Nguyễn đình Đức	28-1-1971	Con
Nguyễn đình Lợi	2-2-1975	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

June 11. 1990.

Kính thư các anh chị lãnh đạo hội Gia đình
tự nhân ET.VN -

Tôi xin được cầu chúc sức khỏe các anh chị và
gia đình. và mong các anh chị chấp nhận cho số
quỹ từ - bỏ tức hồ sơ cho người anh ruột của tôi
là NGUYEN DINH HOA - hồ sơ nộp hồi tháng
10-1989.

Nhân tiện tôi xin đóng góp chi phí như sau:
Mười chi \$ của anh tôi có góp căn bỏ tức xin liên
lạc với: NGUYEN DINH CU
121 CHURCHILL RD S
ACTON - ONT
L7J 2J5 CANADA TC:

Cảm ơn các anh chị rất nhiều

nguyendinh Cu.

June 11, 1990.

Kính thưa các anh chị lãnh đạo hội Gia đình
tự nhân CT.VN -

Thưa xin được cầu chúc sức khỏe các anh chị và
gia đình. và mong các anh chị chấp nhận cho số
quỹ từ - bỏ' tức hồ sơ cho người anh ruột của tôi
là NGUYEN DINH HOA - hồ sơ nộp thời tháng
10-1989.

Nhân tiện tôi xin đóng góp chi phí như
nêu hồ sơ của anh tôi có tên căn hộ tức xin liên
lạc với :

NGUYEN DINH CU

121 CHURCHILL RD S

ACTON - ONT

L75 2J5 CANADA TC:

Cảm ơn các anh chị rất nhiều

nguyendinh Cu.

FORM 22205 (1-88)

U.S. DOLLAR PERSONAL MONEY ORDER	
	CREDIT UNION
U.S. DOLLAR PERSONAL MONEY ORDER	
DATE <u>June 12/90</u>	
PAY TO THE ORDER OF <u>HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.</u>	
PAYABLE IN UNITED STATES CURRENCY THROUGH THE MANHATTAN, BRONX AND BROOKLYN COLLECTION ARRANGEMENT AT THE ROYAL BANK OF CANADA, NEW YORK BRANCH.	
NOT VALID OVER TWO HUNDRED AND FIFTY U.S. DOLLARS	THE SUM 50 DOLS 00 CTS
U.S. DOLLARS	
TO THE BRANCH OF THE ROYAL BANK OF CANADA NEW YORK, N.Y.	
<u>121 CHURCHILL S. ACTON, ONT.</u>	<u>LAI NGUYEN</u>
SENDER'S ADDRESS	SENDER'S NAME



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH HOA
Last Middle First

Current Address: THON ANTHUAN - XA HUONG TOAN, HUONG DIEN, THUA THIEN
Date of Birth: 14 - 3 - 1937 Place of Birth: THUA THIEN - HUE

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN - DONG DA TRAINING CAMP.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-4-1975 To 6-6-1983
Years: 7 Months: 2 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN DINH VINH
Name

NY 14624
Address and Telephone Number

TL:

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>XUAN ICH NGUYEN</u>	<u>Cousin</u>
<u>NGUYEN DINH KHOA</u>	<u>Nephew</u>
<u>ALEXANDER QUOC ANH TAM</u>	<u>Nephew</u>
<u>VINH DINH NGUYEN</u>	<u>Cousin</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Feb 2 - 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI PHUONG	12-8-1936	WIFE
NGUYEN THI THANH	13-6-1961	DAUGHTER
NGUYEN THI TUYET	4-2-1963	DAUGHTER
NGUYEN THI NGOC THAO	1-1-1966	DAUGHTER
NGUYEN DINH HIEP	6-2-1968	SON
NGUYEN DINH MINH	2-1-1970	SON
NGUYEN DINH DUC	28-1-1971	SON
NGUYEN DINH LOI	2-2-1975	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

QUYẾT ĐỊNH

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 1978

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM — ĐÀ NẴNG

— Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1978 và Thông tư số 240/TTg ngày 10-10-1978 của Ủy ban Chính phủ về việc thực hiện hạn TTGDCT đối với những binh lính, sĩ quan, nhân viên quân đội về chức chính trị đảng phái phản động của chế độ cũ.

— Căn cứ Thông tư Liên bộ Quốc phòng — Nội vụ số 07/TTĐL ngày 10-10-1978 hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan quân đội, nhân viên quân đội đang hiện đang học tập cải tạo.

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Công an Quảng Nam — Đà Nẵng và Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I: Ra lệnh phóng thích

— Họ và tên

— Ngày, tháng, năm sinh

— Sinh quán

— Trú quán

— Căn tội

— Bị bắt ngày

ĐIỀU II: Dương sự được tha và

và phải chịu quản chế trong thời gian 12 tháng. Sau thời gian này dương sự sẽ được nhân dân và chính quyền địa phương xét trả quê hương, nếu đã thực sự tiếp thu cải tạo tốt.

ĐIỀU III: Ông Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng, Giám đốc Công an Quảng Nam — Đà Nẵng và đương sự có trách nhiệm theo trách nhiệm của mình thi hành Quyết định này.

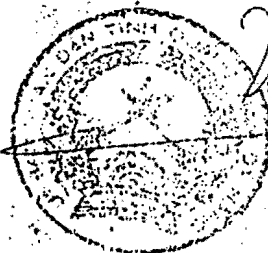
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng
CỦA VIỆC THỰC HIỆN

NƠI NHẬN:

— Công an QN — ĐN
— Cơ quan tạo

« để thi hành »

— Dương sự đề trình với UBND và
— Ủy ban XE, Phường nơi cư trú biết.
— Ủy ban Văn phòng UBND Tỉnh



Tỉnh, Thành phố Hà Tĩnh
Quận, Huyện Kuông Diên
Xã, Phường Bình Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 3
Số 93

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Nguyễn Thị Phương
Sinh ngày 12-8-1936
Quê quán An - Thuận, Hương Sơn, T.T. Huế
Nơi đăng ký thường trú An - Thuận, Hương Sơn, Thừa Thiên Huế
Nghề nghiệp Nội trợ
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 190579149

Họ và tên người chồng Nguyễn Đình Hòa
Sinh ngày 14-3-1937
Quê quán An - Thuận, Hương Sơn, T.T. Huế
Nơi đăng ký thường trú An - Thuận, Hương Sơn, Thừa Thiên Huế
Nghề nghiệp Làm ruộng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 191639341

Kết hôn ngày 26 tháng 03 năm 1990

Chữ ký người vợ

Phương

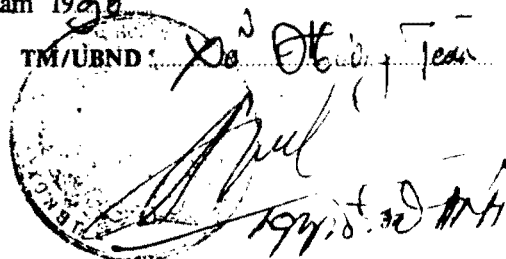
Nguyễn Thị Phương

Chữ ký người chồng

Nguyễn Đình Hòa

Nguyễn Đình Hòa

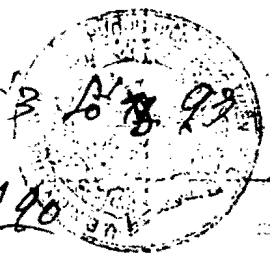
TM/UBND



Ban Tổ pháp xã Hoàng Tân
 Xá nhân: Theo đơn của ông Nguyễn Đình Hòa
 ở tại thôn an Chuẩn xã Hoàng Tân. Hoàng Tân
 Thôn Chiên. Ấp là chồng của bà Nguyễn
 Thị Phương. Hiện ở tại xã Hoàng Tân huyện
 Đại Vãng Nam 1957. Ông Hòa và
 bà Phương có tam quýt to kết hôn
 Hiện Nay ở ông bà đã có tam người con
 quýt to kết hôn đã mất Nay đơn từ
 pháp xã xá nhân theo đơn của ông Nguyễn
 Đình Hòa là (Dùng Sĩ Thất)
 Hoàng Tân 24. 05. 90
 Ban Tổ TP xã

UBND xã Hoàng Tân
 Các cử dân viên đại bị bắt hôn
 các ông Nguyễn Đình Hòa
 Thuận, rặng, thôn, huyện Chiên, tỉnh Kiên Giang
 đơn từ bị bắt hôn từ 15-10
 lần thứ tư bắt cả (bị hôn một quýt to)
 (bị hôn tam) thì từ bắt cả nam và
 đơn từ cho đơn bị bắt hôn tam quýt to 15-10-90

Hoàng Tân ngày 24/5/90
 Tờ: UBND xã
 Nguyễn Văn Trời



Công xã xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập, tự do, hạnh phúc.

Định ghi: Ông Sơn nhận nhận xã hương Sơn
Sơn Công an xã hương Sơn.

Công dân Nguyễn Đình Hòa sinh ngày 11-3-
1937 nguyên quán làng An Thuận xã hương Sơn, hương
Điền Thiệu Thiên thuộc huyện hương Sơn tại làng An Thuận
xã hương Sơn, hương Điền Thiệu Thiên thuộc huyện hương
Sơn nay đơn vị xã như sau:

Nguyễn Đình Hòa vợ là Nguyễn Thị Thuận
Sinh ngày 22-8-1926 nguyên quán tại làng An Thuận
xã hương Sơn, hương hương Sơn, huyện hương Sơn
Thị trấn Thiệu Thiên, huyện hương Sơn, hương hương Sơn,
Thị trấn Thiệu Thiên. Công dân này công dân xã hương Sơn
ngày 7-1-1954 và đã lập giấy hôn thú tại
xã hương Sơn, hương hương Sơn, huyện hương Sơn
Thị trấn Thiệu Thiên. Từ đó đến nay công dân
Trang Sơn cùng công dân xã hương Sơn và đã sinh hạ công
dân công dân xã hương Sơn, hương hương Sơn, huyện hương Sơn
Thị trấn Thiệu Thiên. Công dân này công dân xã hương Sơn
ngày 7-1-1954 và đã lập giấy hôn thú tại xã hương Sơn,
hương hương Sơn, huyện hương Sơn, Thị trấn Thiệu Thiên.

Công dân xã hương Sơn nay công dân xã hương Sơn
và đã lập giấy hôn thú tại xã hương Sơn, hương hương Sơn,
huyện hương Sơn, Thị trấn Thiệu Thiên. Công dân này công dân xã hương Sơn
ngày 7-1-1954 và đã lập giấy hôn thú tại xã hương Sơn,
hương hương Sơn, huyện hương Sơn, Thị trấn Thiệu Thiên.

Trang Sơn, hương Sơn

Nguyễn Đình Hòa

Nguyễn Đình Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Hương Toàn
Huyện, Quận Hương Điền
Tỉnh, Thành phố Chùa Chén Thề

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP, HT
Số
Quyển



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN - ĐÌNH - HOÀ Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm, sinh ngày mười bốn tháng ba năm một nghìn chín trăm
ba mươi bảy (14-3-1937)
Nơi sinh Ấm Thuận Hương Toàn Hương Điền Chùa Chén Thề
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Xít</u>	<u>Nguyễn Đình Ninh</u>
Tuổi	<u>1905</u>	<u>1906</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Đi làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Ấm Thuận Hương Toàn Hương Điền Chùa Chén Thề</u>	<u>Ấm Thuận Hương Toàn Hương Điền Chùa Chén Thề</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai:

Nguyễn - Đình - Ninh, Ấm Thuận Hương Toàn Hương Điền Chùa Chén Thề
CMND số 1905 79 236 sinh năm 1906

Đang ký ngày ... tháng ... năm 19 ...
T. m Ủy ban nhân dân

Người đứng khai ký

Nguyễn Đình Hòa

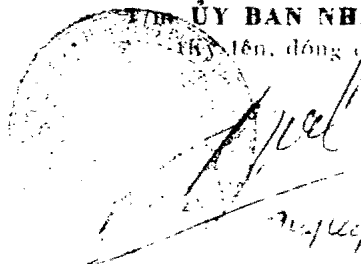
Nguyễn - Đình - Hòa

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 3 năm 1992

T. m Ủy ban nhân dân

Ký tên, đóng dấu



Nguyễn Văn An

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Xã, phường Hương Toàn
Huyện, Quận Thống Nhất
Tỉnh, Thành phố Chưa Chiến Thắng

TP/HT
Số
Quyển



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ PHUONG Nam hay nữ nữ
Ngày, tháng, năm, sinh 12-3-1936 (Hai tháng Tam năm một chín ba sáu)
Nơi sinh An Thuận, Hương Toàn, Huyện Thống Nhất, Chưa Chiến Thắng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Chép</u>	<u>Nguyễn Xuân Quế</u>
Tuổi	<u>(Chết)</u>	<u>(Chết)</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai:

Nguyễn Xuân Heo An Thuận, Hương Toàn, Huyện Thống Nhất, Chưa Chiến Thắng
CHÍNH SỐ 191234471

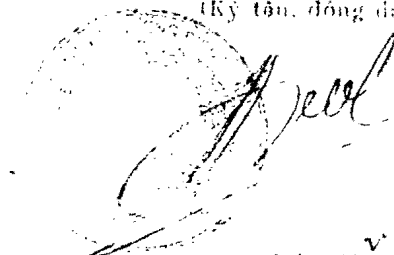
Người đứng khai ký

Nguyễn Văn Khoa

Đang ký ngày... tháng... năm 19...
Tm Ủy ban nhân dân

NHÂN THỰC SAO V BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 3 năm 1936
Tm ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Khoa

Số hiệu: 1019

KHAI SANH

Họ và tên ấu nhi : NGUYỄN-THI-THANH
 Phái : Nữ
 Sinh : Ngày mùng ba tháng sáu năm một nghìn chín trăm sáu mươi
 Ngày, tháng, năm một (Đ-06-1961)
 Tại : Hải-Hạc Hải-Châu Bà-Năng
 Cha : NGUYỄN-DÌNH-HÒA
 Họ và tên Bình 1937
 Tuổi : Quân-địch
 Nghề-nghiep : YBC.4.277
 Cư trú tại : NGUYỄN-THI-PHƯỚC
 Mẹ : Bình 1936
 Họ và tên Hội Trại
 Tuổi : Hải-Hạc, Hải-Châu, Bà-Năng
 Nghề-nghiep : Vợ chính
 Cư trú tại : NGUYỄN-DÌNH-HÒA
 Vợ : Bình 1937
 Họ và tên Quân-địch
 Nghề-nghiep : YBC.4.277
 Cư trú tại : Đ-06-1961
 Ngày khai : NGUYỄN-HUO-C-TH
 Người chứng thứ nhất : Bình 1933
 Họ và tên Thợ làm đá
 Tuổi : Số 90 Cag Ich Kichai Bà-Năng
 Nghề-nghiep : NGUYỄN-DÌNH-HÒA
 Cư trú tại : Bình 1936
 Họ và tên Quân-địch
 Tuổi : Bình 1936
 Nghề-nghiep : YBC.4.272
 Cư trú tại :

Làm tại Hải-Châu ngày 21 tháng 6 năm 19 61

Người khai Nguyễn-Dình-Hòa Hộ lại Nguyễn-Huân-Ho Nhân chứng Hội-Trại-Thảo

20 12 8



Handwritten signature and notes at the bottom of the form.

Handwritten notes and signatures on the left side of the form, including 'CHƯƠNG TRÌNH' and 'Đ-06-1961'.

KHAI SANH

Họ và tên ấu nhi : NGUYỄN-THỊ-TÊN-TUYẾT

Phái : M

Sanh : Ngày bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba
 Ngày, tháng, năm

Tại : Thạc-Hiến Đền-Hưng

Cha : NGUYỄN-DÌNH-HÒA
 Họ và tên

Tuổi : 1937

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : KBC.4.277

Mẹ : NGUYỄN-THỊ-TRƯỜNG
 Họ và tên

Tuổi : 1936

Nghề-nghiệp : Nội-trợ

Cư trú tại : Thạc-Hiến, Đền-Hưng

Vợ : Chính
 Chính hay thử

Người khai : NGUYỄN-DÌNH-HÒA
 Họ và tên

Tuổi : 1937

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : KBC.4.277

Ngày khai : Ngày sáu tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba

Người chứng thứ nhất : LÊ-DÌNH-TRẦN
 Họ và tên

Tuổi : 1932

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : KBC.4.440

Người chứng thứ nhì : LÊ-QUANG-CHÁO
 Họ và tên

Tuổi : 1935

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : KBC.4.374

Có bốn lợi Nhỏ in TỰ-LẬP 54 Lê-Lợi - Huế

Làm tại Thạc-Hiến ngày 6 tháng 2 năm 19 63Người khai Nguyễn-Dình-Hòa Hộ lợi

Nhân chứng

Nguyễn-Dình-HòaLê-Dình-TrầnLê-Quang-CháoTrần-Ky
2/12/63

BNS-000-00

VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA

Tỉnh QUANG-TRỊ
Quận MAI-LINH
Xã QUANG-TRỊ

Bản Trích-Lục

BỘ KHAI-SINH

Số hiệu 033

Năm 1966

Tên họ đủ đôi NGUYEN-DINH-THI-NHUC-THAO
Phái Nữ
Sinh Ngày mồng một tháng một năm một nghìn chín trăm sáu
(ngày, tháng năm) mươi sáu (01 - 01 - 1966)
Tại Nhà Ho-sinh LE-THI NHU-TAT
Cha NGUYEN - DINH - HOA
(tên họ)
Nghề Quan-nhan
Cư-trú tại K.B.C.4.613
Mẹ NGUYEN - THI, - PHUONG
(tên họ)
Nghề Nội trợ
Cư-trú tại Thôn De-Nhi, Xã Quang-Trị, Mai-Linh, Quang-Trị
Vợ chánh
(chánh hay thứ)

Trích y bản chính:

Quang-Trị, ngày 10 tháng 01 năm 1966.

XLTV chủ tịch UBND xã kiêm Mặt-Tích.

Phó Chủ-Tịch.



NGUYEN-VAN-NGHI

Số tại Nhà in NGUYEN-VAN-NGHI. Quang-Trị - Quảng-Trị

KHAI SANH

Tên họ đủ nhĩ NGUYEN-DINH-HIEP
 Giới Nam
 Sinh Ngày sau tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu
Ngày, tháng năm
mười tám (06-02-1968)
 Tại 4/12 Phường Tri-Vu Quận-Nhất Huế
 Cha NGUYEN-DINH-HOA
 Tên, họ
 Tuổi 1937
 Nghề Quân-Nhân
 Cư trú tại 4/12 Phường Tri-Vu Quận-Nhất Huế
 Mẹ NGUYEN-THI-PHONG
 Tên, họ
 Tuổi 1936
 Nghề Nội-tro
 Cư trú tại 4/12 Phường Tri-Vu Quận-Nhất Huế
 Vợ Chanh
 Ông bà họ (có)
 Người khai NGUYEN-DINH-HOA
 Tên, họ
 Tuổi 1937
 Nghề Quân-Nhân
 Cư trú tại 4/12 Phường Tri-vu Quận-nhất Huế
 Ngày khai 29-02-1968
 Người chứng thứ nhất NGUYEN-TAM-XUAN
 Tên, họ
 Tuổi 1933
 Nghề Công-chức
 Cư trú tại 6/12 Phường Tri-vu Quận-Nhất Huế
 Người chứng thứ nhì NGUYEN-HUU-DAO
 Tên, họ
 Tuổi 1935
 Nghề Công-chức
 Cư trú tại 40/12 Phường Tri-vu Quận-Nhất Huế

PHONG TRICH-LUC

Ngày 29/2/1968

Quản Trưởng Kiểm

Hộ tại Quận-nhất

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

TRAM CONG

Lập tại xã Quận-nhất ngày 29-02- 19 68
 Người khai Hộ tại Nhà ở

Nguyễn-Dinh-Hoa

TUN. QUAN-TRUONG KIEM HO-LAI
 QUAN-NHAT

Nguyễn-Tam-Xuan

Nguyễn-Huu-DAO

TRAN-HUU-TUONG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/H

Xã, phường Hồng Sơn

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

Huyện, Quận Thống Nhất

Quyển

Tỉnh, Thành phố Chùa Thiên Phước

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN - DINH - HÒA Nam hay nữ namNgày, tháng, năm, sinh (2 - 1 - 1937) Ngày, tháng, năm, sinh một năm, mộtNơi sinh Am - Thuận, Thống Nhất, Huyện Thống Nhất, Thành phố Chùa Thiên PhướcDân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn - Thị - Phương</u>	<u>Nguyễn - Đình - Hòa</u>
Tuổi	<u>1936</u>	<u>1937</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đã tử</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Am - Thuận, Thống Nhất, Huyện Thống Nhất, Thành phố Chùa Thiên Phước</u>	<u>Am - Thuận, Thống Nhất, Huyện Thống Nhất, Thành phố Chùa Thiên Phước</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai:

Nguyễn - Đình - Hòa - 1937 - Am - Thuận, Thống Nhất, Huyện Thống Nhất, Thành phố Chùa Thiên Phước
 Số CMNH 11 cấp ngày 10-10-1985

Đang ký ngày ... tháng ... năm 19 ...

Tm Ủy ban nhân dân

Người đứng khai ký

Nguyễn - Đình - HòaNguyễn - Đình - Hòa

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày ... tháng ... năm 1985

Tm Ủy ban nhân dân

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TP/HT
 Xã, phường Hương Tâm Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Số
 Huyện, Quận Hương Điền Quyền
 Tỉnh, Thành phố Thừa Thiên Huế



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN ĐÌNH HOÀ Nam hay nữ nam
 Ngày, tháng, năm, sinh 28-1-1971 (Hai mươi tám tháng một năm một nghìn chín trăm bảy mươi mốt)
 Nơi sinh Ấm Thuận, Hương Tâm, Hương Điền, Thừa Thiên Huế
 Dân tộc Hà Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Phụng</u>	<u>Nguyễn Đình Hòa</u>
Tuổi	<u>1936</u>	<u>1937</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Ấm Thuận, Hương Tâm, Hương Điền, Thừa Thiên Huế</u>	<u>Ấm Thuận, Hương Tâm, Hương Điền, Thừa Thiên Huế</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai:

Nguyễn Đình Hòa 1937 tại Ấm Thuận, Hương Tâm, Hương Điền, Thừa Thiên Huế CMND số 19.18.93.11 cấp ngày 10-10-1985

Đóng ký ngày tháng năm 19.....
 T/m Ủy ban nhân dân

Người đứng khai ký

Nguyễn Đình Hòa

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 3 năm 1971

T/m ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
Tỉnh, Thị Xã Thừa thiên
Quận Hương trà
Xã, Phường Hương căn

Số-hiệu : 36

TRÍCH LỤC

Bộ khai - sanh

Lập ngày 06 tháng 02 năm 1975

Tên họ đứa trẻ : Nguyễn-đình-Lợi
Con trai hay con gái: Trai
Ngày sanh : Ngày hai tháng hai năm một
Ngàn chín trăm bảy mươi lăm
(02-02-1975)
Nơi sanh : An thuận, Hương căn, Hương trà
Thừa-thiên.
Tên họ người cha : Nguyễn-Đình-Hòa
Tên họ người mẹ : Nguyễn-thị-Phượng
Vợ chánh hay không : Vợ chánh
có hôn thú :
Tên họ người đứng khai: Nguyễn-đình-Hoà

Nhà in Nguyễn văn Phước 18 Đinh Bộ Lĩnh (ngoài cửa thượng lộ)

Trích lục y bản chánh

Hương căn , ngày 06 tháng 2 năm 1975

Viên chức Hộ-tịch